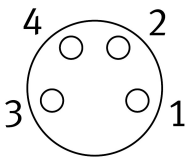


Cáp kết nối  
**NEBA-M8G4-U-2.5-N-LE4**  
Số bộ phận: 8078227

FESTO



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                | Giá trị                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tuân theo tiêu chuẩn                    | EN 61076-2-104<br>EN 61984                                                                                                                                                                                                                                                    |
| Giấy phép                               | c UL us - Listed (OL)                                                                                                                                                                                                                                                         |
| Mục đích sử dụng                        | Cáp kết nối kết nối các thiết bị từ trường (cảm biến, bộ truyền động) với bộ điều khiển.                                                                                                                                                                                      |
| Chống cháy nổ                           | Lưu ý thông tin trong chứng nhận<br>Vùng 2 (ATEX)<br>Vùng 22 (ATEX)                                                                                                                                                                                                           |
| Cơ quan cấp chứng chỉ                   | UL E253748                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| Tên cáp                                 | không giá biển báo                                                                                                                                                                                                                                                            |
| tần số kết nối                          | 100                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| trọng lượng sản phẩm                    | 66 g                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| Lưu ý áp dụng                           | Đáp ứng các yêu cầu theo IEC 61010-1 và 61010-2-202, đặc biệt đối với van vận hành bằng điện của Festo.<br>Chỉ các mạch giới hạn năng lượng có dòng điện tối đa là 4 A và điện áp không tải tối đa là 30 V DC mới được phép cung cấp cho các van vận hành bằng điện từ Festo. |
| Cổng nối điện 1, chức năng              | Phía thiết bị hiện trường                                                                                                                                                                                                                                                     |
| Cổng nối điện 1, thiết kế               | tròn                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| Cổng nối điện 1, kiểu kết nối           | Ổ cắm                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| Cổng nối điện 1, đầu ra cáp             | thẳng                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối      | M8x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-104                                                                                                                                                                                                                                        |
| Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây        | 4                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| Cổng nối điện 1, cực/dây điện được dùng | 4                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| Cổng nối điện 1, kiểu gắn               | Khóa vít với hình lục giác SW9 và rãnh dọc có thể xoay                                                                                                                                                                                                                        |
| Cổng nối điện 1, kiểu gắn tương thích   | Tương thích với khóa vít xoay/không xoay                                                                                                                                                                                                                                      |
| Cổng nối điện 1, gán chân cắm           | Chân 1 = BN<br>Chân 2 = WH<br>Chân 3 = BU<br>Chân 4 = BK                                                                                                                                                                                                                      |
| Cổng nối điện 1, màn hình               | không có                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| Cổng nối điện 2, chức năng              | Phía điều khiển                                                                                                                                                                                                                                                               |

| Đặc tính                                                                  | Giá trị                                                                                                                                                                                 |
|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Cổng nối điện 2, kiểu kết nối                                             | Cáp                                                                                                                                                                                     |
| Cổng nối điện 2, công nghệ kết nối                                        | đầu mở                                                                                                                                                                                  |
| Cổng nối điện 2, số cực/dây                                               | 4                                                                                                                                                                                       |
| Cổng nối điện 2, cực/dây điện được dùng                                   | 4                                                                                                                                                                                       |
| Cổng nối điện 2, gán chân cắm                                             | Chân 1 = BN<br>Chân 2 = WH<br>Chân 3 = BU<br>Chân 4 = BK                                                                                                                                |
| Cổng nối điện 2, màn hình                                                 | không có                                                                                                                                                                                |
| Dải điện áp hoạt động DC                                                  | 0 V...60 V                                                                                                                                                                              |
| Dải điện áp hoạt động AC                                                  | 0 V...48 V                                                                                                                                                                              |
| Lưu ý về dải điện áp hoạt động AC                                         | 0 - 30 V cho các ứng dụng UL                                                                                                                                                            |
| Khả năng tải dòng điện ở 40 °C                                            | 4 A                                                                                                                                                                                     |
| Độ chịu điện áp xung                                                      | 1.5 KV                                                                                                                                                                                  |
| Chiều dài cáp                                                             | 2.5 m                                                                                                                                                                                   |
| Đặc điểm dây dẫn                                                          | thích hợp cho máng xích/ phù hợp với rô-bốt<br>chống mài mòn<br>độ bám dính thấp<br>chống cháy và tự dập lửa                                                                            |
| Dòng điều kiện kiểm tra                                                   | Điều kiện kiểm tra theo yêu cầu<br>Độ bền xoắn: > 300 000 chu kỳ, ± 270°/ 0,1 m<br>Độ bền khi uốn: > 50000 chu kỳ, bán kính uốn 5 mm<br>Máng xích: > 5 triệu chu kỳ, bán kính uốn 28 mm |
| Lưu ý về điều kiện kiểm tra đường truyền                                  | thử nghiệm ở 23 °C                                                                                                                                                                      |
| Bán kính uốn, định tuyến cáp cố định                                      | 14 mm                                                                                                                                                                                   |
| Bán kính uốn, định tuyến cáp có thể di chuyển                             | 46 mm                                                                                                                                                                                   |
| Đường kính cáp                                                            | 4.5 mm                                                                                                                                                                                  |
| Cấu tạo cáp                                                               | 4 x 0,25 mm <sup>2</sup>                                                                                                                                                                |
| Mật cắt danh định của dây dẫn                                             | 0.25 mm <sup>2</sup>                                                                                                                                                                    |
| Đầu dây                                                                   | tước<br>cắt cùn                                                                                                                                                                         |
| Mức độ bảo vệ                                                             | IP65<br>IP68<br>IP69K                                                                                                                                                                   |
| Tính chất đặc biệt                                                        | Chống tia cực tím<br>chống thủy phân<br>Chống chịu chất làm mát<br>kháng vi khuẩn<br>Chống dầu<br>chống ôzôn                                                                            |
| Sử dụng ngoài trời                                                        | Vị trí tiếp xúc trực tiếp với khí hậu ngoài trời cấp D1 dựa trên IEC 60654-1                                                                                                            |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                                            | -40 °C...85 °C                                                                                                                                                                          |
| Lưu ý về nhiệt độ môi trường                                              | -40 - 50 °C cho các ứng dụng UL                                                                                                                                                         |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh với định tuyến cáp linh hoạt               | -20 °C...85 °C                                                                                                                                                                          |
| Lưu ý về nhiệt độ môi trường khi lắp đặt cáp linh hoạt                    | -20 - 50 °C cho các ứng dụng UL                                                                                                                                                         |
| Nhiệt độ bảo quản                                                         | -25 °C...55 °C                                                                                                                                                                          |
| Lưu ý về nhiệt độ bảo quản                                                | trong thời gian ngắn để vận chuyển trong bao bì -40 ... 85 °C                                                                                                                           |
| Độ ẩm tương đối                                                           | tối đa 93 % ở 40 °C                                                                                                                                                                     |
| Chiều cao vận hành định mức                                               | ≤ 2000 m NHN                                                                                                                                                                            |
| Danh mục quá áp                                                           | II                                                                                                                                                                                      |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)                                       | theo chỉ thị RoHS của EU                                                                                                                                                                |
| Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)                                     | theo các quy định UK RoHS                                                                                                                                                               |
| Tuân thủ LABS                                                             | VDMA24364-B2-L                                                                                                                                                                          |
| Tính phù hợp để sản xuất pin Li-ion                                       | Phù hợp cho sản xuất pin với giá trị Cu/Zn/Ni giảm (F1a)                                                                                                                                |
| Độ phù hợp sử dụng trong phòng sạch, được đo theo tiêu chuẩn ISO 14644-14 | Loại 4 theo ISO 14644-1                                                                                                                                                                 |

| Đặc tính                         | Giá trị                                                                                          |
|----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Ghi chú vật liệu                 | Không FCKW<br>Tuân thủ RoHS<br>không cadmium<br>không chứa halogen<br>không axit photphoric este |
| mức độ ô nhiễm                   | 3                                                                                                |
| Lớp chống ăn mòn KBK             | 1 - ứng suất ăn mòn thấp                                                                         |
| Vật liệu vỏ bọc cáp              | TPE-U(PUR)                                                                                       |
| Màu vỏ cáp                       | xám                                                                                              |
| Vật liệu vỏ                      | TPE-U(PUR)                                                                                       |
| nhà màu                          | màu đen                                                                                          |
| Vật liệu khóa vít                | Kẽm đúc áp lực, mạ niken                                                                         |
| Vật liệu của phốt                | FPM                                                                                              |
| Vật liệu các tiếp điểm phích cắm | Hợp kim đồng mạ vàng                                                                             |
| Vật liệu vỏ cách điện            | PP                                                                                               |